UED Journal of Social Sciences, Humanities & Education, ISSN: 1859 - 4603
https://doi.org/10.47393/jshe.v15.i2.3647

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ GIÁO DỤC

TÍCH HỢP KHUNG NĂNG LỰC SỐ VÀO HỌC PHẦN TIẾNG ANH ĐẠI CƯƠNG Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM: XÂY DỰNG MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA VÀ GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CHO GIẢNG VIÊN

Lại Hoài Châu
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh
Tác giả liên hệ: Lại Hoài Châu - Email: laihoaichau@gmail.com
Ngày nhận bài: 28-5-2025; ngày nhận bài sửa: 03-11-2025; ngày duyệt đăng: 28-11-2025

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, năng lực số đã trở thành yếu tố cốt lõi trong giáo dục đại học, đòi hỏi sinh viên phải được trang bị các kỹ năng cần thiết để thành công trong kỷ nguyên số. Nghiên cứu này nhằm mục đích tích hợp Khung năng lực số quốc gia (ban hành theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo) vào học phần Tiếng Anh đại cương tại các trường đại học ở Việt Nam. Sử dụng phương pháp phân tích văn bản chính sách và xây dựng đề xuất sư phạm, nghiên cứu đã đưa ra một khuôn khổ toàn diện về vấn đề. Các kết quả chính bao gồm việc điều chỉnh mục tiêu học phần để phản ánh yêu cầu năng lực số, xây dựng các chuẩn đầu ra (CLOs) cụ thể liên quan đến khai thác thông tin, giao tiếp, sáng tạo nội dung và quản lý học tập trong môi trường số. Nghiên cứu cũng gợi ý các hoạt động giảng dạy - học tập và hình thức đánh giá sáng tạo, sử dụng các công cụ và nền tảng số như Google Docs, Zoom, Canva và ChatGPT để phát triển đồng thời năng lực ngôn ngữ và năng lực số cho sinh viên. Nghiên cứu đóng góp về mặt lý luận bằng cách cụ thể hóa việc ứng dụng Khung năng lực số vào một học phần cụ thể và mang lại giá trị thực tiễn cho giảng viên trong việc thiết kế khóa học. Để tiếp tục, nghiên cứu khuyến nghị triển khai thực nghiệm mô hình đề xuất và khảo sát phản hồi từ người học và giảng viên để đánh giá hiệu quả và hoàn thiện thêm các đề xuất.

Từ khóa: khung năng lực số; Tiếng Anh đại cương; mục tiêu học phần; chuẩn đầu ra; hoạt động giảng dạy; chuyển đổi số.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số đang tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục đại học (OECD, 2016). Để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và trở thành công dân toàn cầu có năng lực, sinh viên không chỉ cần trang bị kiến thức chuyên môn mà còn phải sở hữu các kỹ năng số thiết yếu (Ferrari, 2012). Sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin đã thay đổi cách thức học tập, làm việc và giao tiếp, đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học phải điều chỉnh chương trình đào tạo để trang bị cho người học những năng lực phù hợp với kỷ nguyên số (Prensky, 2001).

Nhằm tạo ra một khung chuẩn chung và định hướng phát triển năng lực số cho người học trong hệ thống giáo dục quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 Quy định Khung năng lực số cho người học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Khung năng lực số này có ý nghĩa quan trọng, cung cấp cơ sở để các cơ sở giáo dục xây dựng, phát triển chương trình, tài liệu học tập, cũng như hướng dẫn và đánh giá năng lực số của sinh viên (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Điều 1). Việc tích hợp Khung năng lực số vào các chương trình đào tạo trở thành một yêu cầu cấp thiết để đảm bảo chất lượng và tính phù hợp của giáo dục đại học Việt Nam với xu thế phát triển chung của thế giới.

Trên thực tế, nhiều trường đại học tại Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của năng lực số và đang nỗ lực đưa các nội dung liên quan vào chương trình đào

Cite this article as: Lai, H. C. (2025). Integrating the digital competency framework into the general english courses at universities in Vietnam: developing objectives, learning outcomes and suggesting teaching activities for Lecturers. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, *15*(02), 146-152.
https://doi.org/10.47393/jshe.v15.i2.3647

tạo. Tuy nhiên, việc tích hợp năng lực số trong các chương trình đào tạo đại học tại Việt Nam hiện nay phần lớn vẫn diễn ra một cách tự phát, thiếu định hướng rõ ràng ở cấp độ học phần, dẫn đến sự thiếu đồng bộ và hiệu quả chưa cao. Nhiều nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng các trường đại học vẫn chưa có khung năng lực số thống nhất để định hướng cho giảng viên và sinh viên, vẫn tồn tại "khoảng trống lớn trong việc đánh giá năng lực số của sinh viên theo chuẩn quốc tế" (Đinh và cộng sự, 2025) cho thấy sự thiếu hệ thống trong việc triển khai và đo lường. Bên cạnh đó, Đỗ Thị Phương Mai và Nguyễn Hoàng Minh (2025) khẳng định năng lực số của giảng viên tiếng Anh ở các trường đại học có sự khác biệt đáng kể do thiếu chính sách và hướng dẫn thống nhất, khiến việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy chủ yếu dựa vào nỗ lực cá nhân. Tương tự, Trần Thị Thúy Ngọc và Nguyễn Thị Thanh (2025) nhấn mạnh rằng dù hạ tầng công nghệ đã được đầu tư, nhưng nếu thiếu khung chính sách và định hướng cụ thể ở cấp học phần, năng lực số của người học vẫn khó được phát triển bền vững.

Bài nghiên cứu này nhằm mục đích lấp đầy khoảng trống trong việc đi sâu vào cách thức tích hợp Khung năng lực số quốc gia vào một học phần cụ thể như Tiếng Anh đại cương. Nghiên cứu sẽ tập trung vào việc xây dựng mục tiêu học phần mới hoặc điều chỉnh mục tiêu hiện tại, đề xuất các chuẩn đầu ra (CLOs) phù hợp với Khung năng lực số, và gợi ý các hoạt động giảng dạy - học tập cũng như hình thức đánh giá mà giảng viên có thể áp dụng để phát triển đồng thời năng lực ngôn ngữ và năng lực số cho sinh viên.

2. Nội dung cơ bản của Quy định khung năng lực số cho người học:

Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực số cho người học nhằm cung cấp cơ sở để xây dựng, phát triển chương trình giáo dục, tài liệu học tập, hướng dẫn và đánh giá năng lực số trong hệ thống giáo dục quốc dân. Khung năng lực số này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 3 năm 2025, áp dụng cho các cơ sở giáo dục, chương trình giáo dục, đào tạo và người học, cũng như các tổ chức, cá nhân liên quan (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Điều 1).

Các năng lực số cốt lõi mà sinh viên đại học cần có (theo Khung năng lực số): Khung năng lực số bao gồm 6 miền năng lực với 24 năng lực thành phần. Đối với sinh viên đại học, các năng lực này được phân chia theo 4 trình độ từ cơ bản đến chuyên sâu với 8 bậc. Các miền năng lực chính bao gồm:

- Khai thác dữ liệu và thông tin: Khả năng tìm kiếm, lọc, đánh giá và quản lý dữ liệu, thông tin, nội dung số; bao gồm việc xác định nguồn tin cậy, tổ chức dữ liệu hiệu quả và sử dụng để đưa ra quyết định hoặc giải quyết vấn đề trong môi trường số (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục I).

- Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số: Khả năng sử dụng công nghệ số để tương tác, chia sẻ thông tin, làm việc nhóm và tham gia cộng đồng trực tuyến; bao gồm giao tiếp hiệu quả qua các kênh số, tôn trọng đa dạng văn hóa, quản lý danh tính số và thúc đẩy hợp tác (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục II).

- Sáng tạo nội dung số: Khả năng tạo, chỉnh sửa và chia sẻ nội dung số; bao gồm phát triển nội dung mới, áp dụng bản quyền, giấy phép, lập trình cơ bản và tích hợp kiến thức (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục III).

- An toàn: Khả năng bảo vệ dữ liệu, thiết bị, sức khỏe và môi trường số; bao gồm bảo mật thông tin cá nhân, quản lý rủi ro mạng, sử dụng công nghệ số an toàn, bảo đảm sức khỏe tâm lý và thể chất, và thúc đẩy trách nhiệm bảo vệ môi trường kỹ thuật số (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục IV).

- Giải quyết vấn đề: Khả năng tư duy phản biện và sáng tạo để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề trong môi trường số; bao gồm khắc phục sự cố kỹ thuật, học hỏi công nghệ mới, điều chỉnh nhu cầu số và sử dụng công nghệ để đổi mới (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục V).

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo: Khả năng hiểu, sử dụng và đánh giá các công cụ, hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) một cách có đạo đức và trách nhiệm; bao gồm nhận biết cách AI hoạt động, áp dụng AI vào thực tiễn, đánh giá tác động đạo đức và xã hội của AI, và đảm bảo sử dụng AI minh bạch, công bằng, có trách nhiệm (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục VI).

Đây là những nhóm năng lực không chỉ mang tính kỹ thuật, không chỉ dừng ở mức kỹ năng sử dụng công nghệ, mà còn hàm chứa tư duy phản biện, năng lực thích ứng và trách nhiệm xã hội trong kỷ nguyên số. Điều đặc

biệt đáng chú ý là khung năng lực này không phân loại năng lực theo các khía cạnh nhận thức, hành động hay thái độ một cách rõ ràng theo từng năng lực riêng biệt. Thay vào đó, mỗi năng lực thành phần được mô tả bằng các động từ thể hiện cả khía cạnh *nhận thức* (ví dụ: "Xác định được nhu cầu", "Hiểu được cách AI ảnh hưởng"), *hành động/kỹ năng* (ví dụ: "Tìm kiếm được", "Tổ chức, lưu trữ", "Sử dụng hiệu quả") và gián tiếp thể hiện *thái độ/trách nhiệm* (ví dụ: "có sự quan tâm đúng mức đến độ tin cậy và quyền riêng tư", "có đạo đức và trách nhiệm"). Các năng lực được mô tả theo từng miền năng lực và các năng lực thành phần với các cấp độ thành thạo tăng dần từ cơ bản đến chuyên sâu (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I). Điều này cho thấy sự phát triển năng lực số cần được hiểu là một quá trình giáo dục toàn diện, bao trùm cả tư duy, hành động và ý thức công dân số. Cụ thể hơn, những năng lực số liên quan đến học tập và giao tiếp trong môi trường số gồm:

a. Nhóm năng lực liên quan đến học tập

Khai thác dữ liệu và thông tin: Tìm kiếm, đánh giá, quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số để hỗ trợ ra quyết định hoặc giải quyết vấn đề trong môi trường học tập (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục I).

Sáng tạo nội dung số: Tạo, chỉnh sửa và chia sẻ nội dung số, tích hợp kiến thức từ nhiều nguồn để tạo ra sản phẩm số phù hợp và sáng tạo trong học tập (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục III).

Giải quyết vấn đề: Khắc phục sự cố kỹ thuật trong quá trình học tập trực tuyến, học hỏi công nghệ mới để nâng cao hiệu quả học tập, và sử dụng công nghệ để giải quyết các thách thức học tập thực tiễn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục V).

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI): Hiểu, sử dụng và đánh giá các công cụ AI để tạo nội dung, khám phá kiến thức và giải quyết các vấn đề trong học tập (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục VI).

b. Nhóm năng lực liên quan đến giao tiếp trong môi trường số

Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số: Sử dụng công nghệ số để tương tác, chia sẻ thông tin, làm việc nhóm và tham gia các cộng đồng trực tuyến; bao gồm giao tiếp hiệu quả qua các kênh số, tôn trọng đa dạng văn hóa và quản lý danh tính số (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục II). Cụ thể hơn là "Tương tác thông qua các công nghệ số khác nhau và nhận biết được phương tiện giao tiếp số nào phù hợp cho một bối cảnh cụ thể" (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục II, Năng lực thành phần 2.1).

Thực hiện quy tắc ứng xử trên mạng: Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số, điều chỉnh chiến lược giao tiếp phù hợp với đối tượng và nhận thức sự đa dạng về văn hóa, thế hệ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I, Mục II, Năng lực thành phần 2.5).

Đối với sinh viên đại học, những năng lực số này có ý nghĩa thiết thực và cấp thiết. Sinh viên ngày nay cần làm chủ công cụ công nghệ không chỉ để học tập, nghiên cứu mà còn để giao tiếp học thuật, làm việc nhóm, và tự học trong môi trường số ngày càng phổ biến. Việc giao tiếp học thuật trực tuyến, khai thác nền tảng học tập số, hay ứng dụng AI như ChatGPT để hỗ trợ học ngôn ngữ đều đòi hỏi sinh viên phải có năng lực phản biện, khả năng chọn lọc thông tin và tinh thần học tập suốt đời. Đây là một bước đi đúng đắn của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc cụ thể hóa năng lực cần thiết cho thế hệ sinh viên trong kỷ nguyên công nghệ. Tuy nhiên, thách thức đặt ra là làm sao để các trường đại học thực sự tích hợp những năng lực này vào chương trình giảng dạy một cách thực chất, chứ không dừng lại ở các khẩu hiệu hay mô tả mục tiêu hình thức. Sự thay đổi phải bắt đầu từ việc thiết kế học phần, phương pháp dạy học, cũng như cách đánh giá, trong đó vai trò của người dạy và người học đều cần được tái định nghĩa.

3. Tích hợp Khung năng lực số vào học phần Tiếng Anh đại cương tại các trường Đại học ở Việt Nam hiện nay

3.1. Thực trạng

Để đánh giá mức độ tích hợp năng lực số trong các chương trình tiếng Anh đại cương, một số khung học phần hiện hành tại các trường đại học tiêu biểu đã được khảo sát, như Đại học Kinh tế Quốc dân (NEU), Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh (HCMUE)… Kết quả cho thấy phần lớn các chương trình vẫn tập trung chủ yếu vào phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ cơ bản (nghe, nói, đọc, viết) cùng với năng lực giao tiếp học thuật bằng tiếng Anh, trong khi việc phát triển năng lực số mới chỉ xuất hiện ở mức độ gián tiếp thông qua việc sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến như LMS, Google Classroom hoặc Microsoft Teams (ULIS, 2024; NEU, 2024; HCMUE, 2024; UDN, 2023).

Lấy ví dụ như, trong đề cương học phần "General English" của Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN, các mục tiêu học phần vẫn tập trung vào chuẩn đầu ra ngôn ngữ của CEFR mà chưa có tiêu chí nào liên quan đến việc khai thác công cụ số hoặc sáng tạo nội dung kỹ thuật số. Tương tự, khung chương trình tiếng Anh cơ bản tại Đại học Kinh tế Quốc dân có đề cập đến "ứng dụng CNTT trong học tập tiếng Anh", song chưa chỉ rõ nội dung hoặc tiêu chí đánh giá năng lực số của người học. Trong khi đó, các trường như ĐH Sư phạm TP.HCM hay ĐH Đà Nẵng đã triển khai mô hình dạy học kết hợp (blended learning), nhưng mức độ tích hợp năng lực số vẫn phụ thuộc nhiều vào giảng viên và chưa được thể chế hóa ở cấp độ học phần (Nguyễn và Lê, 2024).

Những kết quả này cho thấy, việc tích hợp năng lực số trong các học phần tiếng Anh đại cương vẫn mang tính tự phát và thiếu sự thống nhất, đúng như nhận xét đã nêu bên trên. Khi đối chiếu các khung học phần hiện hành với Khung năng lực số cho người học được quy định tại Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT, có thể thấy nhiều nội dung còn thiếu hoặc chưa được cụ thể hóa. Các chuẩn đầu ra (CLOs) của phần lớn học phần tiếng Anh đại cương vẫn tập trung vào kỹ năng ngôn ngữ mà chưa phản ánh các năng lực số cốt lõi. Một số khung học phần được xây dựng từ giai đoạn 2018–2022 (trước khi ban hành Thông tư 02) nên chưa có sự cập nhật để đáp ứng yêu cầu mới. Điều này dẫn đến việc sinh viên tuy có khả năng sử dụng các công cụ số trong học tập, nhưng chưa được đánh giá và rèn luyện một cách có hệ thống về tư duy phản biện, quản lý dữ liệu học tập hay sáng tạo nội dung số. Việc thiếu các chỉ báo đo lường năng lực số trong chuẩn đầu ra cũng khiến quá trình kiểm định chất lượng chưa phản ánh đầy đủ năng lực thực tế của người học (Nguyễn & Thanh, 2025).

3.2. Xây dựng Mục tiêu học phần mới hoặc Điều chỉnh Mục tiêu hiện tại để phản ánh yêu cầu năng lực số

Học phần Tiếng Anh đại cương ở các trường đại học ở Việt Nam cần đưa vào những nội dung mới, gắn với Khung năng lực số, nhằm mục đích giúp sinh viên không chỉ phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh trong các tình huống học thuật và giao tiếp cơ bản, mà còn tăng cường khả năng sử dụng công nghệ số để học tiếng Anh một cách hiệu quả, tự chủ và sáng tạo trong bối cảnh học tập hiện đại. Sau đây là một số gợi ý để giúp các trường, các thầy cô xây dựng Mục tiêu học phần mới hoặc Điều chỉnh Mục tiêu hiện tại để phản ánh yêu cầu năng lực số:

-Sinh viên sử dụng thành thạo các công cụ và nền tảng số để tìm kiếm, tiếp cận, và thực hành tiếng Anh một cách hiệu quả và tự chủ (*liên quan đến Khai thác dữ liệu và thông tin*, *Giải quyết vấn đề của Khung năng lực số*).

-Sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác bằng tiếng Anh trong môi trường số (ví dụ: email học thuật, diễn đàn trực tuyến, thuyết trình video) một cách chuyên nghiệp và phù hợp với nghi thức số (*liên quan đến Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số của Khung năng lực số*).

-Sinh viên có khả năng sáng tạo và chỉnh sửa nội dung số bằng tiếng Anh (ví dụ: viết blog, tạo infographic, video clip) để thể hiện ý tưởng và chia sẻ thông tin (*liên quan đến Sáng tạo nội dung số của Khung năng lực số*).

-Sinh viên nhận thức và áp dụng các nguyên tắc an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, và duy trì an sinh số khi học tập và giao tiếp tiếng Anh trực tuyến (*liên quan đến An toàn của Khung năng lực số*).

- Sinh viên biết cách khai thác và ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ quá trình học và luyện tiếng Anh, đồng thời có tư duy phản biện về thông tin được tạo ra bởi AI (*liên quan đến Ứng dụng trí tuệ nhân tạo của Khung năng lực số*).

3.3. Xây dựng Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) phù hợp với Khung năng lực số

CLO1: Sinh viên sử dụng thành thạo các công cụ số (Google Docs, Google Meet, LMS…) để phục vụ việc học tiếng Anh, thực hành kỹ năng tiếng Anh.

Liên hệ năng lực số: Thuộc miền "Khai thác dữ liệu và thông tin" (1.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số), "Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số" (2.1. Tương tác thông qua công nghệ số, 2.4. Hợp tác thông qua công nghệ số) (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I).

CLO2: Sinh viên có khả năng tìm kiếm, đánh giá, chọn lọc và khai thác tài nguyên tiếng Anh trực tuyến một cách hiệu quả.

Liên hệ năng lực số: Thuộc miền "Khai thác dữ liệu và thông tin" (1.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số; 1.2. Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số) (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I).

CLO3: Sinh viên thể hiện được kỹ năng hợp tác, giao tiếp bằng tiếng Anh trên nền tảng số *(ví dụ: diễn đàn học tập, email học thuật, Zoom…).*

Liên hệ năng lực số: Thuộc miền "Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số" (2.1. Tương tác thông qua công nghệ số, 2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số, 2.4. Hợp tác thông qua công nghệ số, 2.5. Thực hiện quy tắc ứng xử trên mạng) (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I).

CLO4: Sinh viên quản lý được việc học tiếng Anh cá nhân *(Bao gồm: thiết lập kế hoạch tự học, tự chủ học tập, theo dõi tiến độ cá nhân…) qua ứng dụng công nghệ (ví dụ: lập kế hoạch học tập trên Trello, Notion, sử dụng ChatGPT hỗ trợ luyện kỹ năng đọc).*

Liên hệ năng lực số: Thuộc miền "Giải quyết vấn đề" (5.2. Xác định nhu cầu và giải pháp công nghệ, 5.4. Xác định các vấn đề cần cải thiện về năng lực số) và "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo" (6.2. Sử dụng AI có đạo đức và trách nhiệm) (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025, Phụ lục I).

3.4. Gợi ý hoạt động giảng dạy - học tập hoặc hình thức đánh giá có thể sử dụng trong học phần Tiếng Anh để phát triển và đánh giá năng lực số cùng với năng lực ngôn ngữ

Thuyết trình nhóm trực tuyến trên MS Team/ Zoom/Google Meet: Sinh viên sử dụng các công cụ họp trực tuyến để luyện kỹ năng nghe-nói, kỹ năng hợp tác nhóm, và kỹ năng sử dụng công nghệ cho thuyết trình (CLO1, CLO3) (Garrison & Vaughan, 2008).

Viết blog/podcast bằng tiếng Anh phản ánh quá trình học tập hoặc chia sẻ kiến thức: Sinh viên tạo nội dung số bằng tiếng Anh, rèn luyện kỹ năng viết, sáng tạo và chia sẻ thông tin trên môi trường số (CLO1, CLO3) (Lai & Chen, 2012).

Tạo infographic/poster số bằng Canva về một chủ đề tiếng Anh: Sinh viên kết hợp kỹ năng ngôn ngữ với kỹ năng sáng tạo nội dung số, trình bày thông tin một cách trực quan và hấp dẫn (CLO1, CLO3) (Smiciklas, 2012).

Sử dụng chatbot (ví dụ: ChatGPT) để luyện kỹ năng viết/ nói: Sinh viên tương tác với AI để nhận phản hồi, cải thiện ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc câu, và phát triển kỹ năng tự học có sự hỗ trợ của công nghệ (CLO4) (Quilambaqui & David, 2024; Memon và cộng sự, 2025; Deep và cộng sự, 2025).

3.5. Dự án tìm kiếm và tổng hợp tài liệu tiếng Anh trực tuyến: Sinh viên thực hiện các bài tập tìm kiếm thông tin trên internet, đánh giá độ tin cậy của nguồn (website, bài báo, video), và tổng hợp thành báo cáo hoặc bài thuyết trình, nhằm phát triển kỹ năng khai thác và đánh giá thông tin số (CLO2) (Metzger, 2007).

3Thảo luận nhóm trên diễn đàn học tập (LMS): Sinh viên tham gia các cuộc thảo luận bằng tiếng Anh trên hệ thống quản lý học tập, rèn luyện kỹ năng giao tiếp văn bản, tuân thủ nghi thức số và hợp tác trực tuyến (CLO1, CLO3) (Vygotsky, 1978).

Lập kế hoạch học tiếng Anh cá nhân trên Trello hoặc Notion: Sinh viên sử dụng các công cụ quản lý dự án cá nhân để thiết lập mục tiêu, theo dõi tiến độ học tập và quản lý tài nguyên học tập, từ đó nâng cao kỹ năng tự học và quản lý việc học bằng công nghệ (CLO4) (Hattie, 2012).

Phân tích và bình luận về các bài viết/video tiếng Anh liên quan đến an toàn mạng hoặc đạo đức số: Sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu, tư duy phản biện và khả năng trình bày quan điểm bằng tiếng Anh về các vấn đề an toàn và đạo đức trong môi trường số (liên quan đến năng lực "An toàn" trong Khung năng lực số) (Ribble & Bailey, 2019).

4. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ của nền giáo dục và toàn xã hội, việc trang bị năng lực số cho người học, đặc biệt là sinh viên đại học, trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Khung năng lực số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025) cung cấp một nền tảng vững chắc để thực hiện mục tiêu này, đảm bảo sinh viên không chỉ có kiến thức chuyên môn mà còn có khả năng thích ứng và phát triển trong môi trường số.

Thông qua việc phân tích sâu sắc các miền năng lực cốt lõi trong Khung năng lực số, nghiên cứu đã đưa ra một cách tiếp cận tích hợp có hệ thống vào học phần Tiếng Anh đại cương. Cụ thể, nghiên cứu đã đề xuất các mục tiêu học phần được điều chỉnh để phản ánh yêu cầu về năng lực số, song song với việc phát triển năng lực ngôn ngữ. Các Chuẩn đầu ra học phần (CLOs) được xây dựng một cách cụ thể, đo lường được, đảm bảo tính liên kết chặt chẽ với các năng lực số cốt lõi. Đặc biệt, nghiên cứu còn gợi ý một loạt các hoạt động giảng dạy – học tập và hình thức đánh giá đa dạng, khuyến khích sinh viên

chủ động ứng dụng công nghệ số trong quá trình học tập và giao tiếp bằng tiếng Anh, từ việc sử dụng các công cụ cộng tác trực tuyến đến khai thác tiềm năng của trí tuệ nhân tạo.

Về mặt lý luận, nghiên cứu đã đóng góp vào việc cụ thể hóa và ứng dụng Khung năng lực số vào một học phần cụ thể, mở ra hướng đi cho việc tích hợp năng lực số vào các chương trình đào tạo khác. Về mặt thực tiễn, các đề xuất về mục tiêu, CLOs và hoạt động giảng dạy cung cấp một tài liệu tham khảo hữu ích cho các giảng viên tiếng Anh đại cương, giúp họ điều chỉnh phương pháp giảng dạy để phù hợp với yêu cầu mới. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế như phạm vi nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc đề xuất mô hình lý thuyết, chưa được kiểm chứng thực nghiệm trên một đối tượng sinh viên cụ thể. Do đó, tính khả thi và hiệu quả của các đề xuất cần được đánh giá thêm trong môi trường thực tế. Ngoài ra, nghiên cứu chưa đi sâu vào các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình triển khai như cơ sở vật chất, năng lực của giảng viên, hay chính sách hỗ trợ từ nhà trường.

Dựa trên những phân tích và hạn chế nêu trên, nghiên cứu đề xuất một số hướng phát triển trong tương lai. Đầu tiên, cần tiến hành triển khai thực nghiệm mô hình tích hợp đã đề xuất tại một hoặc nhiều trường đại học để kiểm chứng hiệu quả và thu thập dữ liệu định lượng, định tính. Thứ hai, việc khảo sát phản hồi từ giảng viên và sinh viên về các hoạt động giảng dạy và chuẩn đầu ra được đề xuất sẽ là cần thiết để điều chỉnh và hoàn thiện mô hình. Cuối cùng, nghiên cứu này có thể được mở rộng sang các học phần khác không chỉ trong ngành ngôn ngữ mà còn ở các ngành học khác, thậm chí các cấp học khác nhau, nhằm góp phần xây dựng một hệ sinh thái giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT: Quy định Khung năng lực số cho người học.

Chapelle, C. A. (2001). Computer applications in second language acquisition: Foundations for teaching, testing, and research. *Cambridge University Press*.

Deep, P. D., Martirosyan, N., Ghosh, N., & Rahaman, M. S. (2025). ChatGPT in ESL higher education: Enhancing writing, engagement, and learning outcomes. *Information*, 16(4), 316. https://doi.org/10.3390/info16040316

Dinh, T. H., et al. (2025). Digital competence framework of university students majoring in economics: The case of Vietnam. *International Journal of Learning*, Teaching and Educational Research, 24(3), 45–59.

Do, T. N., & Nguyen, H. T. (2025). Digital competence of English lecturers in Vietnam. *Vietnam Journal of Education*, 19(2), 112-124.

Ferrari, A. (2012). Digital competence in practice: An analysis of the current state of digital competence in European education. *Joint Research Centre*.

Garrison, D. R., & Vaughan, N. D. (2008). Blended learning in higher education: Framework, principles, and guidelines. *Jossey-Bass.*

Hattie, J. (2012). Visible learning for teachers: Maximizing impact on learning. *Routledge.*

Lai, C., & Chen, Y. J. (2012). Blogging as a tool for EFL learners to improve their writing skills. *System*, 40(4), 512–527.

Memon, I., Fatima, Z. U. N., & Somro, M. (2025). The role of AI-powered language learning tools in enhancing the English communication skills of ELLs. *Journal for Current Sign*, 3(1), 398–416. Retrieved from https://www.currentsignjournal.com/index.php/JCS/article/view/119

Metzger, M. J. (2007). Communicating credibility and expertise in a digital age. In E. A. Williams et al. (Eds.), *The handbook of global science, technology, and innovation* (pp. 209-224). Blackwell Publishing.

Nguyen, L. T. T., & Le, H. M. (2024). Blended English language teaching in Vietnamese universities: Pedagogical opportunities and institutional challenges. *AsiaCALL Online Journal*, 20(1), 56-72.

Nguyen, M. H., & Thanh, P. T. (2025). Factors contributing to developing digital competencies in economics education in Vietnamese universities: Evidence from a lecturer survey. *Participatory Educational Research*, 12(4), 215–233.

OECD. (2016). Skills for a digital world. *OECD Publishing.*

Prensky, M. (2001). Digital natives, digital immigrants. *On the Horizon*, 9(5), 1–6.

Quilambaqui, J., & David, P. (2024). The use of chatbots to enhance productive skills in the EFL/ESL classroom. *Universidad de Cuenca.*

Ribble, M., & Bailey, G. (2019). Digital citizenship in schools: Nine elements all students should know. *International Society for Technology in Education.*

Smiciklas, M. (2012). The power of infographics: Using pictures to communicate and connect with your audience. *Que Publishing.*

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. (2024). Đề cương học phần Tiếng Anh cơ bản 1–2 (NNKC1131). [Chương trình đào tạo NEU]. https://courses.neu.edu.vn/syllabus/K63/vi/NNKC1131

Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội. (2024). Mô tả học phần trong chương trình đào tạo (từ khóa QH2022). [Website ULIS]. https://daotao.ulis.vnu.edu.vn/category/he-chuan/de-cuong-hoc-phan

Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh. (2024). Đề cương chi tiết học phần Tiếng Anh cơ bản. [Website HCMUE]. https://hcmue.edu.vn

Vygotsky, L. S. (1978). Mind in society: The development of higher psychological processes. Harvard University Press.

INTEGRATING THE DIGITAL COMPETENCY FRAMEWORK INTO THE GENERAL ENGLISH COURSES AT UNIVERSITIES IN VIETNAM: DEVELOPING OBJECTIVES, LEARNING OUTCOMES AND SUGGESTING TEACHING ACTIVITIES FOR LECTURERS

Lai Hoai Chau

Ho Chi Minh City University of Natural Resources and Environment

Author corresponding: Lai Hoai Chau - Email: Email: laihoaichau@gmail.com

Article History: Received on 28th May 2025, Revised on 3rd November 2025, Published on 28th November 2025

Abstract: As a result of the global digital revolution, digital competence has become a core element of higher education, which requires students to be equipped with essential skills to succeed in the digital age. This study attempts to integrate the National Digital Competence Framework (issued under Circular 02/2025/TT-BGDDT by the Ministry of Education and Training) into the General English courses at Vietnamese universities. By analyzing the policy documents and making pedagogical recommendations, the current research presents an comprehensive framework for incorporating this integration. The results comprise adjusting course objectives to address digital competency requirements, constructing Course Learning Outcomes (CLOs) on information literacy, communication, content creation, and learning management in digital environments. It also suggests innovative learning-teaching activities and evaluation procedures, utilizing digital resources and tools like Google Docs, Zoom, Canva, and ChatGPT in an effort to develop learners' language skills and digital competences simultaneously. The study contributes to the existing literature with the application of the Digital Competence Framework to a specific course and also provides real-world feedback for teachers in terms of course design. Suggestions for future research include piloting the proposed model and collecting feedback from students and teachers to evaluate the effectiveness and improve the model.

Key words: digital competence framework; General English; course objectives; learning outcomes; teaching activities; digital transformation.